

Bản án số: 25/2020/HNGĐ -ST

Ngày : 8/7/2020

“ Về tranh chấp Hôn nhân và gia đình ”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Lê Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Văn T, bà Trần Thị Như H

- *Thư ký phiên tòa:* ông Đặng Văn D - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:* bà Đậu Thị H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 8 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 629/2019/TLST-HNGĐ ngày 4 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn và con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị D - sinh năm 1976

Địa chỉ: khối 4, phường HT, thành phố V, tỉnh A (có mặt).

Bị đơn: ông Lê Viết T - sinh năm 1963

Địa chỉ: khối 4, phường HT, thành phố V, tỉnh A (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa thì vụ án có nội dung như sau: bà Nguyễn Thị D và ông Lê Viết T lấy nhau trên cơ sở tình yêu tự nguyện, lấy nhau trên cơ sở do hai bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lạng, huyện ĐT, tỉnh HT vào ngày 26/3/1996. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc cho đến khi bà D sinh con thứ 2 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến cãi nhau, sống không quan tâm nhau, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2019 đến nay. Bà D xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài và trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng được ly hôn.

Về con: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày: 02/6/2004 và Lê Duy T - sinh ngày 17/3/1993. Ly hôn bà Nguyễn Thị D có nguyện vọng nuôi con chung là Lê Thị Khánh L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung là Lê Duy T đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai do con lựa chọn.

Về tài sản: Vợ chồng tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

Ông Lê Viết T tuy vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án trình bày: ông và bà D lấy nhau do hai bên tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên trong thời gian gần đây do có sự tác động dư luận xã hội và những mâu thuẫn trong suy nghĩ nên ghen tuông, đổ kỵ. Bản thân ông có nhiều bức xúc cho nên trong xử sự không bình tĩnh, gây gổ vô cớ, xúc phạm đến vợ con cho nên dẫn đến những hành động ngoài ý muốn. Ngày 14/11/2019 bà D tự ý bỏ nhà ra ngoài sống. Ông T cũng đã cố gắng để hàn gắn gia đình chấp nhận bỏ qua cho nhau những sai lầm trong cuộc sống nhưng bà D một mực xin ly hôn nên ông cũng chấp nhận. Vì vậy, ông T đề nghị Tòa án chấp nhận sự thuận tình ly hôn cho ông và bà Nguyễn Thị D. Ngày 5/03/2020, ông T, bà D đã thỏa thuận với nhau về toàn bộ vụ án Tòa án ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành về việc ly hôn và con chung. Đối với phần tài chung do hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 9/3/2020 ông T có đơn gửi Tòa án về việc thay đổi sự thỏa thuận và đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng do hai bên không tự thỏa thuận được. Ông T yêu cầu được chia tài sản chung là 01 căn nhà 2 tầng trị giá 1.500.000.000đ, 01 xe ô tô Maxda, biển kiểm soát 37A-37811 trị giá 800.000.000đ, 01 xe máy SH màu đen trị giá 90.000.000đ và yêu cầu chia khoản nợ ngân hàng 780.000.000đ nhưng không xuất trình tài liệu chứng cứ kèm theo đơn. Ngày 23/4/2020, Tòa án ra thông báo yêu cầu ông T bổ sung các chứng cứ, tài liệu gồm: bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chứng nhận đăng ký xe ô tô, xe máy và khoản nợ ngân hàng đồng thời thông báo cho ông T nộp tiền tạm ứng án phí về yêu cầu chia tài sản chung nhưng ông T không xuất trình chứng tài liệu và cũng không nộp tiền tạm ứng án phí.

Ngày 11/6/2020, ông Tuệ gửi giấy ủy quyền cho nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D về việc rút yêu cầu chia tài sản ngày 19/3/2020, có xác nhận của cơ quan nơi ông T công tác. Tuy nhiên, xét việc ủy quyền của ông T cho bà D là nguyên đơn trong vụ án là không hợp lệ nên Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án như sau: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án thực hiện các bước tố tụng đúng theo quy định của pháp luật. Thời hạn xét xử đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, yêu cầu khởi kiện là có căn cứ. Bị đơn ông Lê Viết Tuệ vắng mặt nên không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông T theo đúng quy định tại điều 70,71,72 BLTTDS nên quyền lợi của ông T được đảm bảo. Do ông T vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T là đúng theo quy định.

Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và thẩm vấn công khai tại phiên tòa xác định đây là vụ án ly hôn. Về tình cảm: bà Nguyễn Thị D và ông Lê Viết T lấy nhau có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lạng, huyện ĐT, tỉnh HT vào ngày 26/3/1996. Quá trình

chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hòa giải nhiều lần và ông T, bà D đã thuận tình ly hôn và chia con chung được Tòa án lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành vào ngày 5/03/2020 đến ngày 9/03/2020 ông T làm đơn xin thay đổi sự thỏa thuận là yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng còn tình cảm và con cái vẫn giữ nguyên như biên bản thỏa thuận. Do ông T không nộp các chứng cứ và tạm ứng án phí nên cần tách ra một vụ án khác khi ông T nộp các chứng cứ và tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về tình cảm vợ chồng bà D, ông T trong quá trình chung sống cả hai người đều thừa nhận đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhưng không có kết quả và ông T, bà D đều đã thỏa thuận ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T, bà D đã thực sự trầm trọng, mâu thuẫn đã kéo dài và không thể sống chung với nhau được nữa nên cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày: 02/6/2004 và Lê Duy T - sinh ngày 17/3/1993. Quá trình giải quyết vụ án Ông T, bà D thỏa thuận giao con chung là Lê Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Đối với con chung Lê Duy T đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai do con quyết định lựa chọn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh T do chị D không yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc, gặp gỡ con chung không ai được ngăn cấm. Xét việc thỏa thuận giao con chung của ông T, bà D là tự nguyện phù hợp với pháp luật. Vì vậy, căn cứ vào điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận sự thỏa thuận của ông T và bà D giao con chung là Lê Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà D không yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc, gặp gỡ con chung không ai được ngăn cấm.

Về tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, ông T có yêu cầu nhưng không giao nộp các chứng cứ và tiền tạm ứng án phí nên cần tách ra bằng một vụ kiện khác khi ông T, bà D yêu cầu.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, quan điểm của đại diện VKS Hội đồng xét xử nhận định:

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị D vẫn giữ nguyên yêu cầu trên. Hội đồng xét xử xét thấy:

Về thủ tục tố tụng: đây là vụ án tranh chấp ly hôn và yêu cầu nuôi con, bị đơn là ông Lê Viết T có địa chỉ thường trú tại khối 4, phường HT, thành phố V nên Tòa án nhân dân Thành phố Vinh giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 điều 28 BLTTDS. Tòa án đã tổng đạt quyết định đưa vụ án

ra xét xử cho ông T nhưng tại phiên tòa ông T vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 điều 28, điều 147, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 BLTTDS để giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án: bà Nguyễn Thị D và ông Lê Viết T lấy nhau có đăng ký kết hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đức Lạng, huyện ĐT, tỉnh HT vào ngày 26/3/1996. Quá trình chung sống giữa vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp và phiên hòa giải nhiều lần và ông T, bà D đã thuận tình ly hôn và chia con chung được Tòa án lập biên bản ghi nhận sự thuận tình ly hôn và hòa giải thành vào ngày 5/03/2020 đến ngày 9/03/2020 ông T làm đơn xin thay đổi sự thỏa thuận là yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng còn tình cảm và con cái vẫn giữ nguyên như biên bản thỏa thuận. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án yêu cầu ông T bổ sung các chứng cứ và nộp tiền tạm ứng án phí về phần tài sản thì ông T không bổ sung chứng cứ, cũng không nộp tiền tạm ứng án phí và ngày 11/6/2020, ông T gửi giấy ủy quyền cho nguyên đơn là bà Nguyễn Thị D về việc rút yêu cầu chia tài sản ngày 19/3/2020, có xác nhận của cơ quan nơi ông T công tác. Tuy nhiên, xét việc ủy quyền của ông T cho bà D là nguyên đơn trong vụ án là không hợp lệ nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Do ông T không nộp các chứng cứ và tạm ứng án phí nên cần tách ra một vụ án khác khi ông T nộp các chứng cứ và tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật.

Về tình cảm vợ chồng bà D, ông T trong quá trình chung sống cả hai người đều thừa nhận đã xảy ra nhiều mâu thuẫn và đến nay mâu thuẫn đã rất trầm trọng, Tòa án cũng đã kiên trì hòa giải nhưng không có kết quả và ông T, bà D đều đã thuận tình ly hôn chứng tỏ mâu thuẫn giữa ông T, bà D đã thực sự trầm trọng, mâu thuẫn đã kéo dài và không thể sống chung với nhau được nữa nên cần xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông T và bà D.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày: 02/6/2004 và Lê Duy T - sinh ngày 17/3/1993. Quá trình giải quyết vụ án Ông T, bà D thỏa thuận giao con chung là Lê Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Đối với con chung Lê Duy T đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai do con quyết định lựa chọn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà D không yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc, gặp gỡ con chung không ai được ngăn cấm. Xét việc thỏa thuận giao con chung của ông T, bà D là tự nguyện phù hợp với pháp luật. Vì vậy cần xử chấp nhận sự thảo thuận của ông T và bà D giao con chung là Lê Thị Khánh L cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà D không yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc, gặp gỡ con chung bà D và người thân trong gia đình không ai được ngăn cấm.

Về tài sản: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, ông T có yêu cầu nhưng không giao nộp các chứng cứ và tiền tạm ứng án phí và theo

văn bản ủy quyền của ông T cho bà D rút yêu cầu về phân chia tài sản mặc dù về thủ tục trình tự không hợp lệ nhưng về ý chí ông Tuệ cũng đã thể hiện rõ không yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung của vợ chồng. Vì vậy, cần tách ra bằng một vụ kiện chia tài sản chung khi các bên có yêu cầu.

Buộc bà Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 56,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, điều 147, khoản 3 điều 228, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết 326/2017/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử:

- Về quan hệ tình cảm: xử chấp nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị D và ông Lê Viết T.

- Về con chung: chấp nhận sự thỏa thuận của bà Nguyễn Thị D và ông Lê Viết T. Giao con chung là Lê Thị Khánh L, sinh ngày: 02/6/2004 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành. Đối với con chung Lê Duy T đã đủ tuổi trưởng thành nên ở với ai do con quyết định lựa chọn. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T do bà D không yêu cầu. Ông T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc, gặp gỡ con chung bà D và người thân trong gia đình không ai được ngăn cấm.

Về án phí: bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ do đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Vinh theo biên lai nộp tiền số AA/2019/0000727 ngày 21 tháng 11 năm 2019.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà D có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An. Ông T vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ./.

Nơi gửi:

- VKSNDTP.Vinh
- Các đương sự
- Lưu HS
- TAND tỉnh N. An

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

